

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày 31-3-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thôn;

Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 127/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 250/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị T, địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Hữu H, địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

oà, V, Hải Phòng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 10 năm 2024 và các bản tự khai của nguyên đơn bà Vũ Thị T trình bày:

Bà Vũ Thị T và ông Trần Hữu H kết hôn với nhau do tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 10 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022 do bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp. Ông H sống không chung thủy, chơi bời, cờ bạc, không chịu khó làm ăn, bà T khuyên bảo nhưng ông H không thay đổi. Vợ chồng mâu thuẫn, nhiều lần đánh, cãi nhau dẫn đến cuộc sống chung luôn căng thẳng, ngột ngạt, không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H. Về con chung: Bà T và ông H có 03 con chung là Trần Thị L, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1998; Trần Thị N, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2003 đã đủ 18 tuổi, không phải nuôi dưỡng nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết và Trần Hữu T1, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2014. Bà T đề nghị được nuôi con Trần Hữu T1, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Hữu H được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc bà Vũ Thị T đề nghị ly hôn và nuôi con nên không có lời khai của ông Trần Hữu H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đã tuân thủ quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông H không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà T được ly hôn ông H. Về con chung: Bà T và ông H có 03 con chung là Trần Thị L, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1998; Trần Thị N, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2003 và

Trần Hữu T1, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2014. Con Trần Thị L và Trần Thị N đã đủ 18 tuổi, không phải nuôi dưỡng nên không xem xét giải quyết. Giao con Trần Hữu T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Bà T phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Vũ Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Hữu H. Ông H có nơi cư trú tại thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn bà T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Vũ Thị T và ông Trần Hữu H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị T và ông Trần Hữu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường T (nay là phường B), quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 28 tháng 10 năm 2002 được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách, lối sống không phù hợp, không tin tưởng nhau về mặt kinh tế và tình cảm. Vợ chồng mâu thuẫn, đánh, cãi nhau sống không tôn trọng nhau dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Quá trình xác minh chính quyền địa phương và gia đình thể hiện mâu thuẫn giữa bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, mỗi người ở một nơi, không có khả năng đoàn tụ. Bà T xin ly hôn ông H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà T và ông H có 03 con chung là Trần Thị L, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1998; Trần Thị N, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2003 và Trần Hữu T1, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2014. Con Trần Thị L và Trần Thị N đã đủ 18 tuổi, không phải nuôi dưỡng nên không xem xét giải quyết. Xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân cháu T1 do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay bà T có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, bà T đề nghị được nuôi con Trần Hữu T1. Cháu T1 có ý

kiến đề nghị được ở với bà T. Ông H hiện do nợ nần cá nhân, thỉnh thoảng mới về nhà. Ông H đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà án, không có ý kiến về con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử giao con Trần Hữu T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Vũ Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bà Vũ Thị T được ly hôn ông Trần Hữu H.

2. Về con chung: Bà T và ông H có 03 con chung là Trần Thị L, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1998; Trần Thị N, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2003 và Trần Hữu T1, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2014. Con Trần Thị L và Trần Thị N đã đủ 18 tuổi, không phải nuôi dưỡng nên không xem xét giải quyết. Giao con Trần Hữu T1 cho bà Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Vũ Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Vũ Thị T phải nộp 3 00.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Vũ Thị T đã nộp là

300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007492 ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Bà Vũ Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Vũ Thị T và ông Trần Hữu H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND phường Bắc Hà, quận Kiến An;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn